| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN THANH BA** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: **11**/ 2022/QĐST- DS | *Thanh Ba, ngày* 19 *tháng* 12 *năm* 2022 |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 12 tháng 12 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 05/2021/TLST-DS, ngày 04 tháng 3 năm 2021.

## XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: 1. **Ông** Hà Văn P, sinh năm 1947
Địa chỉ: Tổ A, phường T, quận L, thành phố Hà Nội.
2. **Bà** Hà Thị M, sinh năm 1955
Địa chỉ: Phố N, phường B, quận L, thành phố Hà Nội.
3. **Bà** Hà Thị Tuyết L, sinh năm 1963
Địa chỉ: Phố N, phường B, quận L, thành phố Hà Nội.
4. **Bà** Hà Thị H, sinh năm 1951
Địa chỉ: Phường T, thị xã P, tỉnh Phú Thọ.
5. **Ông** Hà Kim P1, sinh năm 1950 (đã chết ngày 10/7/2022)
Địa chỉ: Khu A xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.
Người thừa kế quyền, nghĩa vụ của ông P1:

- **Bà** Hoàng Thị N, sinh năm 1958
  Địa chỉ: Khu A xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.
- **Chị** Hà Thị Hồng T, sinh năm 1984
  Địa chỉ: Khu A xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.
- **Anh** Hà Quang L1, sinh năm 1986
  Địa chỉ: Khu A xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo ủy quyền: **Bà** Hoàng Thị N, sinh năm 1958
Địa chỉ: Khu A xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.
Bị đơn: Vợ chồng anh Hà Văn H1, sinh năm 1976
chị Hoàng Thị Kim T1, sinh năm 1976
Địa chỉ: Khu A xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.
Người được ủy quyền: Ông Hà Văn V, sinh năm 1957

Địa chỉ: Khu T, phường T, thị xã P, tỉnh Phú Thọ.

2. **Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

Về nội dung tranh chấp: Bà Hoàng Thị N và ông Hà Văn V thống nhất thỏa thuận như sau: Phần đất mà hai bên đang tranh chấp sẽ được chia như sau: Phía nguyên đơn gồm ông Hà Văn P, bà Hà Thị M, bà Hà Thị Tuyết L, bà Hà Thị H, bà Hoàng Thị N, anh Hà Quang L1, chị Hà Thị Hồng T được quyền sử dụng 261,4m2 loại đất CLN trị giá 26.505.000đ, thuộc thửa số 232 tờ bản đồ 2b (nay là thửa 216 tờ bản đồ 22 bản đồ ĐCCQ) tại khu 1 xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Phần đất phía nguyên đơn được sử dụng có chỉ giới (1,2,11,12,13,14,15,1) đã được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q239883 ngày 20/12/1999 mang tên hộ bà Vy Thị H2. Vợ chồng anh Hà Văn H1, chị Hoàng Thị Kim T1 được quyền sử dụng 583,1m2 loại đất CLN trị giá 59.126.000đ thuộc thửa số 232 tờ bản đồ 2b (nay là thửa 216 tờ bản đồ 22 bản đồ ĐCCQ) tại khu 1 xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Phần đất phía bị đơn được sử dụng có chỉ giới (2,3, 16,17,5,6,7,8,9,10,11,2) đã được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q239883 ngày 20/12/1999 mang tên hộ bà Vy Thị H2 *(có sơ đồ thửa đất kèm theo)*. Vợ chồng anh Hà Văn H1, chị Hoàng Thị Kim T1 có trách nhiệm khai thác cây xà cừ nằm trên phần đất của nguyên đơn để trả đất cho nguyên đơn. Phần tường rào do anh H1, chị T1 xây nằm ở phần đất của bên nào thì bên đó được sử dụng. Phía nguyên đơn có trách nhiệm xây tường rào ngăn cách hai phần đất theo chỉ giới (2,11) dài 33,7m.

*Các bên có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.*

- Về án phí: Bà Hoàng Thị N và ông Hà Văn V thống nhất thỏa thuận như sau: Bà Hoàng Thị N tự nguyện nộp toàn bộ phần án phí theo giá trị tài sản được sử dụng của phía nguyên đơn là 662.000đ. Vợ chồng anh Hà Văn H1, chị Hoàng Thị Kim T1 nộp toàn bộ phần án phí theo giá trị tài sản được sử dụng của phía bị đơn là 1.478.000đ.

*Trường hợp được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- Viện kiểm sát ND huyện, tỉnh
- Thi hành án DS huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

***Trần Thị Lệ Thanh***